| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ BUÔN HỒ**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| ***Bản án số:08 /2019/HNGĐ-ST***<br>***Ngày: 26 /4/2019***<br>***V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình*** | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hoàng Minh Chức.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hồ Văn Hạnh.

2. Bà Hoàng Vạn Sinh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguỵ Thế Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 26/4/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thuỳ L, sinh năm 1991; Trú tại: số 744/18 đường H, Tổ dân phố Y, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế B, sinh năm 1989; Trú tại: số 43 đường L, Tổ dân phố X, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Đinh Thị Thuỳ L trình bày*: Về hôn nhân; Chị L và anh B tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/12/2014 tại UBND phường T, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian dài, đến tháng 11 năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B sống không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng ý kiến và đã sống ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung; Quá trình chung sống chị L và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Thế K, sinh ngày 23/12/2015, khi ly thân con chung ở với chị L đến ngày 17/02/2019 anh B đưa con về nội chơi rồi ở với anh B, sau đó về ở với chị L rồi lại về nội. Về con chung do cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi), về cấp dưỡng khi khởi kiện chị L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng 2.000.000đồng, nhưng qua quá trình hoà giải và tại phiên toà chị L không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

Về tài sản chung; Chị L không yêu cầu giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thế B trình bày*: Anh B và chị L tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 18/12/2014 tại UBND phường T, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk, như trình bày của chị L là đúng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó trong quá trình chung sống đôi lúc vợ chồng có xãy ra xích mích, mâu thuẩn với nhau, anh B đã về nhà mẹ đẻ sống cho đến nay, nhưng theo anh B mâu thuẩn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh B vẫn còn tình cảm với vợ con nên anh B mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; Trường hợp chị L kiên quyết ly hôn thì anh B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống anh B và chị L có 01 con chung tên Nguyễn Thế K, sinh ngày 23/12/2015. Trong trường hợp vợ chồng không thể hoà giải được và phải ly hôn thì anh B đồng ý giao con chung theo yêu cầu của chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi), và chị L không yêu cầu nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

Về tài sản chung, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**-** [1]**Về thẩm quyền giải quyết**: HĐXX xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

**- [3]Về nội dung tranh chấp:**

*[3.1] Về hôn nhân*: Chị L và anh B xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/12/2014 tại UBND phường T, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk. Lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc một

thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng ý kiến và đã sống ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay. Tuy anh B mong muốn được đoàn tụ với chị L nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần, chị L thì kiên quyết yêu cầu ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung được nữa. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án anh B có nguyện vọng trong trường hợp chị L kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận vợ chồng chị L, anh B lúc đầu sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, địa phương đã hoà giải nhưng không có kết quả vì mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu ly hôn của chị L thì thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hoà giải, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại cả hai đều còn trẻ nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L để tạo điều kiện cho cả hai có một cuộc sống riêng phù hợp hơn quy định tại Điều 51, Điều 54, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*[3.2] Về con chung:* Quá trình chung sống chị L và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Thế K, sinh ngày 23/12/2015. Xét nguyện vọng cũng như sự thoả thuận của các bên về việc nuôi dưỡng con chung thì thấy rằng con chung mới được hơn 03 tuổi, từ nhỏ sống cùng gia đình và nay là sống với mẹ, nên cần có sự chăm sóc của người mẹ, đồng thời khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nên cần chấp nhận sự thoả thuận của các bên giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi); chị L không yêu cầu nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L, vì đây là sự tự nguyện của chị L nên cần chấp nhận, đình chỉ yêu cầu này và không đặt ra để xem xét. Anh B được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

*[3.3] Về tài sản chung*: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết theo quy định Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

***[4] Về án phí*:** Chị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

-Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

*Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Thuỳ L.

- *Về hôn nhân*: Cho chị Đinh Thị Thuỳ L được ly hôn với anh Nguyễn Thế B.

- *Về con chung:* Công nhận sự thoả thuận của các bên; Giao con chung tên Nguyễn Thế K, sinh ngày 23/12/2015 cho chị Đinh Thị Thuỳ L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi); chị L không yêu cầu nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

Anh B được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Đinh Thị Thuỳ L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0011333 ngày 17/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND tx Buôn Hồ;*
- *Chi cục THADS tx Buôn Hồ;*
- *UBND p. T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Vp.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

**HOÀNG MINH CHỨC**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

HOÀNG MINH CHỨC

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND tx Buôn Hồ;*
- *Chi cục THADS tx Buôn Hồ;*
- *UBND p. Thiện An;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Vp.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**HOÀNG MINH CHỨC**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ BUÔN HỒ**
**TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 26/ 4/2019.

Tại trụ sở TAND thị xã Buôn Hồ.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Hạnh và bà Hoàng Vạn Sinh.

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thuỳ Linh, sinh năm 1991; Trú tại: số 744/18 Hùng Vương, Tổ dân phố 2, phường Thiện An, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế Bảo, sinh năm 1989; Trú tại: số 43 Lê Chân, Tổ dân phố 3, phường Thống Nhất, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi thảo luận, phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử biểu quyết, quyết định các vấn đề sau:

1.Về quan hệ pháp luật tranh chấp: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình".* Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về căn cứ pháp luật áp dụng: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

-Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Kết quả biểu quyết: 3/3.

3.Các quyết định:

: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Thuỳ Linh.

- *Về hôn nhân*: Cho chị Đinh Thị Thuỳ Linh được ly hôn với anh Nguyễn Thế Bảo.

- *Về con chung:* Công nhận sự thoả thuận của các bên; Giao con chung tên Nguyễn Thế Kiệt, sinh ngày 23/12/2015 cho chị Đinh Thị Thuỳ Linh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi); chị Linh không yêu cầu nên anh Bảo không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Linh.

Anh Bảo được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết. Kết quả biểu quyết: 3/3.

4.Về án phí: Chị Đinh Thị Thuỳ Linh phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

AA/2017/0011333 ngày 17/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ. Kết quả biểu quyết: 3/3.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết các vấn đề trên 3/3, không có ý kiến khác.

Nghị án kết thúc vào lúc 15 giờ 5 phút cùng ngày và đã được thông qua tại phòng nghị án.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

HOÀNG MINH CHỨC